

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực
Thủy sản; Chăn nuôi; Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp
và Môi trường tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả thực hiện một số thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực Thủy sản, Chăn nuôi, Thú y thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3632/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 10 thủ tục hành chính và

phê duyệt 12 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản; Chăn nuôi: Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo*).

Nội dung cơ bản của các thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025; Quyết định số 53/QĐ- BNNMT ngày 09 tháng 01 năm 2026; Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026; Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 01 năm 2026; Quyết định số 814/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 3 năm 2026 và Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

1. Đối với danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 3, 4, Phần I, Phụ lục I và số thứ tự 3, 4, Phần I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 5, Mục I, Phần A, Phụ lục I và số thứ tự 5, Mục I, Phần A, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã tỉnh Cao Bằng.

3. Thay thế danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 2, 3, Mục I, Phần B, Phụ lục I và số thứ tự 2, 3, Phần A, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

4. Thay thế danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại thứ tự 8, 9, Mục I, Phần A; số thứ tự 3, Phần B, Phụ lục I và số thứ tự 8, 9, Phần I; số thứ tự 11, Phần II, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng.

5. Thay thế danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2, Mục B, Phụ lục I và số thứ tự 1, 2, Mục A, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

6. Thay thế danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2, Phụ lục I và số thứ tự 1, 2, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng.

7. Thay thế danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2, Phụ lục I và số thứ tự 1, 2, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. Ký bởi:
Nông
Quốc

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TTTT-HN, KT, TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC (A) 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Đình Quang



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN; CHĂN NUÔI; THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Ký
bởi:
Nông

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (10 TTHC)

* Danh mục các TTHC được công bố tại Phụ lục này là các TTHC sửa đổi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả giải quyết TTHC từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sang Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định ủy quyền số 1023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả thực hiện một số thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực Thủy sản, Chăn nuôi, Thú y thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN (06 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm. (Mã TTHC: 2.001694)	- Đối với cấp mới là 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Đối với cấp lại trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung, bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Thông tư số 16/2026/TTBNNMT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						nuôi trồng thủy sản.
2	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm. (Mã TTHC: 1.004794)	- Đối với cấp mới là 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Đối với cấp lại trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung, bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Thông tư số 16/2026/TTBNNMT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.
3	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản. (Mã TTHC: 1.004943)	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Điều 12 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.				25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Mục III Phần A Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. (Mã TTHC: 1.004683)	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Điều 17, 18 Nghị định số

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.				41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Mục II Phần A Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn 02 xã trở lên.	- Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi,

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	(Mã TTHC: 1.004923)	sản: hai ngày (2) làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định: ba mươi ba (33) ngày làm việc		- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.
6	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên). (Mã TTHC: 1.004921)	- Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Đối với trường hợp đề nghị sửa	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: hai ngày (2) làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: Ba mươi ba (33) ngày làm việc.				

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. (Mã TTHC: 1.008124)	a) Đối với hàng hoá nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân: 01 ngày làm việc b) Đối với hàng hoá nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật: 01 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Chăn nuôi - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y; - Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		c) Đối với hàng hoá nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp: 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp: + Hàng hoá không đáp ứng yêu cầu về nhãn: 05 ngày làm việc + Hàng hoá nhập khẩu có chứng chỉ					

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng: 01 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: 16 ngày làm việc					
2	Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. (Mã TTHC 1.008125)	08 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Chăn nuôi - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						và thú y; - Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.	

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y (02 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu. (Mã số TTHC 1.003703)	* Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc thừa nhận: Xác nhận vào bản đăng ký của người nhập khẩu: 01 ngày làm việc. * Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	Nộp hồ sơ qua Cổng thông tin Một cửa quốc gia, - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Phí kiểm tra chất lượng lô hàng thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y nhập khẩu đối với kiểm tra ngoại quan: 250.000 đồng/lô hàng. Giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc: Tùy theo từng chỉ tiêu kiểm nghiệm quy định tại Thông tư số 283/2016/TT – BTC ngày	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ -CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ	(Hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2026 hoặc trước ngày 31/12/2026 nếu UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin Một cửa quốc gia)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chất lượng lô hàng tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ -CP: 01 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp, cơ quan kiểm tra xử lý như sau: + Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số			14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và theo giá cụ thể do các đơn vị thực hiện kiểm nghiệm quy định.	sung Nghị định số 132/2008/NĐ -CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. - Nghị định số 43/2017/NĐ -CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ -CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ cấp thông báo lô hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập khẩu có bằng chứng khắc phục; + Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn				- Nghị định số 154/2018/NĐ - CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 131/2025/NĐ - CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu				của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ - CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 13/2016/TT - BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với dược phẩm thú y và 60 ngày đối với vắc xin, kháng thể thú y, nếu quá thời hạn mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ. Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ				phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 18/2018/TT - BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT -BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 10/2018/TT - BNNPTNT ngày 14/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thông báo nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi tới người nhập khẩu và cơ quan hải quan. Đồng thời chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm tra có thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất về chất				phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuốc thú y - Yêu cầu chung. - Thông tư số 09/2025/TT - BNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu. * Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng: + Thông báo bằng văn bản yêu cầu hoàn thiện hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; + Xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.					
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin). (Mã TTHC 1.013811)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Thú y . - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi	Thay đổi tên TTHC; căn cứ pháp lý; cắt giảm thời gian giải quyết TTHC;

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018; - Nghị định	biểu mẫu Giấy chứng nhận

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống ma túy. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 10	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						năm 2022; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	

- Tổng số danh mục TTHC công bố:	10	TTHC
Trong đó: Cấp tỉnh	10	TTHC
+ Tổng số danh mục TTHC toàn trình	10	TTHC
+ Tổng số TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	10	TTHC



Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN; CHĂN NUÔI; THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số: 1219/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Ký bởi:
Nông
Quốc

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH (12 Quy trình)

I. LĨNH VỰC THỦY SẢN (06 Quy trình)

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (Mã TTHC 2.001694)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Đối với trường hợp cấp mới	Đối với trường hợp cấp lại
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) cấp tỉnh, cấp xã	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc

Thứ tự			Thời gian thực hiện	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
		Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm trình lãnh đạo phòng	Công chức phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét, phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Nông Nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
	Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			04 ngày làm việc	02 ngày làm việc

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (Mã TTHC 1.004794)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Đối với trường hợp cấp mới	Đối với trường hợp cấp lại
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
		Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm trình lãnh đạo phòng	Công chức phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc

Thứ tự			Thời gian thực hiện	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét, phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Nông Nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
	Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			04 ngày làm việc	02 ngày làm việc

3. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (Mã TTHC 1.004943)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc
		Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định phê duyệt Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu) - Trình lãnh đạo phòng, Chi cục, Lãnh đạo sở xem xét để trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản.	Công chức phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	08 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	- Tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm - Dự thảo Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản		
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	01 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	01 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét văn bản, Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Nông Nghiệp và Môi trường	04 ngày làm việc
	Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

4. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC 1.004683)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi (02 giờ)	0,25 ngày làm việc
		Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi (02 giờ)	0,25 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Quyết định phê duyệt Đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (nếu là sản phẩm nhập khẩu) - Trình lãnh đạo phòng, Chi cục xem xét để trình lãnh đạo Sở phê duyệt Đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. - Tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm	Công chức phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	08 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	- Dự thảo Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản		
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	01 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	01 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét văn bản, Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Nông Nghiệp và Môi trường	04 ngày làm việc
	Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

5. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn 02 xã trở lên (Mã TTHC 1.004923))

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc
		Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc
Bước 3	- Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cấp tỉnh và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý (Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). - Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng	Công chức phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	28 ngày làm việc

Thứ tự	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	đồng trình lãnh đạo.		
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	01 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	1,5 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét, phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Nông Nghiệp và Môi trường	03 ngày làm việc
	Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			35 ngày làm việc

6. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) (Mã TTHC 1.004921)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng	Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao, phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng	Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao, phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc
		Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc
Bước 3	- Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cấp tỉnh và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý (Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). - Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng trình lãnh đạo.	Công chức phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi		28 ngày làm việc
	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng trình lãnh đạo.	Chuyên viên phòng Chăn nuôi thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	02 ngày làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng	Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao, phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc	01 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét, tinh phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Nông Nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc	03 ngày làm việc
	Đóng dấu, vào sổ văn bản, chuyển đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc	35 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 Quy trình)

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (Mã TTHC 1.008124)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện			
			- Đối với hàng hoá nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân	Đối với hàng hoá nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật		
			- Đối với hàng hoá nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp	Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn	Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng hàng hoá nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng
						Trường hợp hồ sơ không đầy đủ

			nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật				
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,25 ngày làm việc	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,25 ngày làm việc	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ; trình lãnh đạo phòng duyệt	Công chức phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	3,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	15,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyet, trình lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,25 ngày làm việc	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)
	Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyet, trình lãnh đạo Sở phê duyet	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	0,25 ngày làm việc	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	0,125 ngày làm việc (01 giờ)
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyet;	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	0,25 ngày làm việc	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	0,125 ngày làm việc (01 giờ)
	Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,25 ngày làm việc	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)	0,0625 ngày làm việc (1/2 giờ)

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian	Không tính thời gian	Không tính thời gian	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	05 ngày làm việc	01 ngày làm việc	16 ngày làm việc

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (Mã TTHC 1.008125)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ; trình lãnh đạo phòng duyệt	Công chức phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	6,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc
	Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
	Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			08 ngày làm việc

III. LĨNH VỰC THÚ Y (04 Quy trình)

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu (Mã số TTHC 1.003703) (Hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2026 hoặc trước ngày 31/12/2026 nếu UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin Một cửa quốc gia)

***Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc thừa nhận**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,125 ngày làm việc (01 giờ)
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thú y - Chi cục Chăn nuôi	0,125 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ; trình lãnh đạo phòng duyệt	Công chức phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	0,125 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục duyệt	Lãnh đạo phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	0,125 ngày làm việc
	Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,125 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	Vào sổ văn bản, đóng dấu; chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			01 ngày làm việc

*** Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện			
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ	Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ	
					Đối với được phẩm thú y	Đối với vắc xin, kháng thể thú y
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	0,25 ngày làm việc (02 giờ)

			Thời gian thực hiện			
	ngiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.					
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	0,125 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ	Công chức Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	0,125 ngày làm việc	04 ngày làm việc	11 ngày làm việc	56 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	0,125 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc
	Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,125 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt kết quả hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc

			Thời gian thực hiện			
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian	Không tính thời gian	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			01 ngày làm việc	06 ngày làm việc	16 ngày làm việc	61 ngày làm việc

*** Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Thông báo bằng văn bản yêu cầu hoàn thiện hồ sơ	Xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	0,25 ngày làm việc (02 giờ)
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ	Công chức Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	01 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc

STT	Nội dung	Đơn vị	Thời gian thực hiện	
			Thời gian thực hiện	Thời gian thực hiện
	Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt kết quả hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			03 ngày làm việc	05 ngày làm việc

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (Mã TTHC 1.013811)

Thứ tự công việc	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ	Công chức phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	02 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi	0.25 ngày làm việc
	Lãnh đạo Chi cục xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi	0.5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt kết quả hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc